



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

THÔNG BÁO KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP THÁNG III/2015



HÀ NỘI, THÁNG IV/2015

LỜI NÓI ĐẦU

Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp do Phòng Giám sát và Dự báo khí tượng nông nghiệp, Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, soạn thảo và xuất bản hàng tháng.

Bản tin Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp được xây dựng trên cơ sở nguồn dữ liệu:

- 56 trạm khí tượng và 29 trạm khí tượng nông nghiệp do Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia cung cấp;
- Bản tin Dự báo thời tiết tuần do Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương cung cấp;
- Bản tin Dự báo khí hậu (1 tháng, 3 tháng) do Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng - Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu cung cấp;
- Báo cáo tổng hợp tình hình sản xuất nông nghiệp hàng tháng ở các vùng sinh thái nông nghiệp do Trung tâm Thông tin, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cung cấp;
- Số liệu thống kê về diện tích, năng suất, sản lượng của các cây trồng chính do Tổng cục Thống kê cung cấp.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.

Địa chỉ: 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04.7733372; 047733090-407

Fax: 04.8358626

Email: son.nguyenhong@imh.ac.vn;

Website: <http://www.imh.ac.vn>

MỤC LỤC

	Trang
1. Vùng Tây Bắc.....	3
2. Vùng Việt Bắc.....	4
3. Vùng Đông Bắc.....	6
4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ	7
5. Vùng Bắc Trung Bộ	8
6. Vùng Trung Trung Bộ.....	9
7. Vùng Nam Trung Bộ.....	11
8. Vùng Tây Nguyên	12
9. Vùng Nam Bộ.....	13
II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG III/2015	14
1. Đối với cây lúa	15
2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp	17
3. Tình hình sâu bệnh	18
III. DỰ BÁO THỜI TIẾT TRONG THÁNG IV/2015 VÀ DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG IV, V, VI/2015.....	19
1. Về kết quả dự báo thời tiết trong tháng IV/2015	19
2. Về kết quả dự báo khí hậu 3 tháng IV, V, VI/2015	19
IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ	20
V. TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	21

I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG III/2015

Nền nhiệt độ không khí trung bình trong tháng III/2015 tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN ($0,5^{\circ}\text{C}$ đến $3,4^{\circ}\text{C}$) (hình 10).

Lượng mưa trong tháng tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -50mm đến 50mm, ngoại trừ khu vực Trung Trung Bộ lượng mưa cao hơn TBNN từ 100 - trên 300mm (hình 11).

Tổng số giờ nắng tháng ở hầu hết các địa phương của nước ta phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -30 giờ đến 80 giờ). Độ ẩm không khí trung bình tháng ở hầu hết các địa phương trong cả nước có giá trị phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -5% đến 5%), một số khu vực bị ảnh hưởng của gió tây khô nóng nên độ ẩm thấp hơn TBNN từ 10 - 14% như Tây Hiếu, Tân Sơn Nhất.

Chi tiết về diễn biến tình hình khí tượng tháng III/2015 ở từng vùng của nước ta như sau:

1. Vùng Tây Bắc

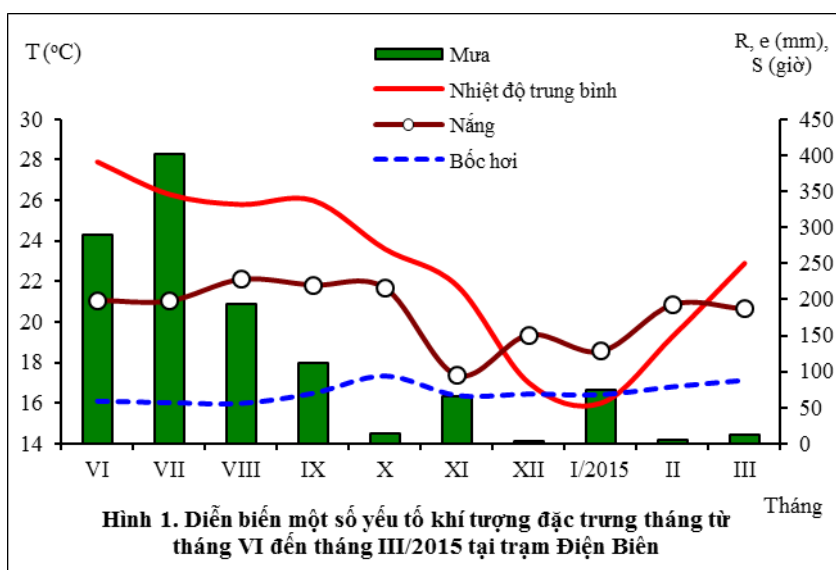
1.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ các khu vực thuộc vùng Tây Bắc ở mức cao hơn giá trị TBNN từ $1,4$ đến $3,4^{\circ}\text{C}$; với giá trị nhiệt độ trung bình tháng dao động từ $17,8^{\circ}\text{C}$ đến $24,6^{\circ}\text{C}$ (hình 10).

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng phổ biến từ $14,1^{\circ}\text{C}$ đến $20,8^{\circ}\text{C}$, giá trị thấp nhất là $9,2^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 02/III tại Sìn Hồ.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $22,7^{\circ}\text{C}$ đến $32,5^{\circ}\text{C}$, giá trị cao nhất là $39,0^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 17/III tại Mai Châu. Sự biến động của nhiệt độ không khí theo thời gian từ tháng VI/2014 đến tháng III/2015 tại trạm đại diện cho vùng Tây Bắc (Điện Biên) được thể hiện trên hình 1.

1.2. Diễn biến về mưa



Hình 1. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng III/2015 tại trạm Điện Biên

- Tổng lượng mưa tháng III/2015 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-40mm đến 50mm). Giá trị tổng lượng mưa tháng phổ biến dao động trong khoảng từ 11mm đến 80mm, cao nhất là 100mm ở Kim Bôi.

- Lượng mưa ngày cao nhất phổ biến từ 5mm đến 36mm, cao nhất là 52mm vào các ngày 24/III tại Kim Bôi.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 2 đến 20 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 22 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 12 ngày.

Biến trình lượng mưa tháng từ tháng VI/2014 đến tháng III/2015 tại Điện Biên được thể hiện trên hình 1.

1.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng III/2015 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh TBNN từ -30 giờ đến 30 giờ; giá trị tổng số giờ nắng tháng phổ biến từ 27 giờ đến 213 giờ (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng III/2015 dao động từ 69% đến 92%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -9% đến -4%. Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 16% xảy ra vào ngày 03/III tại Tuần Giáo và ngày 17/III tại Sông Mã.

- Tổng lượng bốc hơi tháng III/2015 có giá trị phổ biến từ 34mm đến 130mm, cao nhất là 378mm tại Cò Nòi. Lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị giá trị lượng mưa (từ 20mm đến 100mm), cao nhất là Cò Nòi: 367mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất ở các nơi đo được phổ biến từ 4 - 14mm.

1.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện một số nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 10 ngày, trong đó một vài nơi có từ 2 đến 3 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện hầu hết các nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 1 đến 6 ngày.

2. Vùng Việt Bắc

2.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nền nhiệt độ không khí tháng III/2015 vùng Việt Bắc ở mức cao hơn giá trị TBNN ($1,1^{\circ}\text{C}$ đến $2,7^{\circ}\text{C}$) (hình 10). Diễn biến nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Việt Trì được thể hiện trên hình 2;

- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng phổ biến từ $16,2^{\circ}\text{C}$ đến $23,3^{\circ}\text{C}$

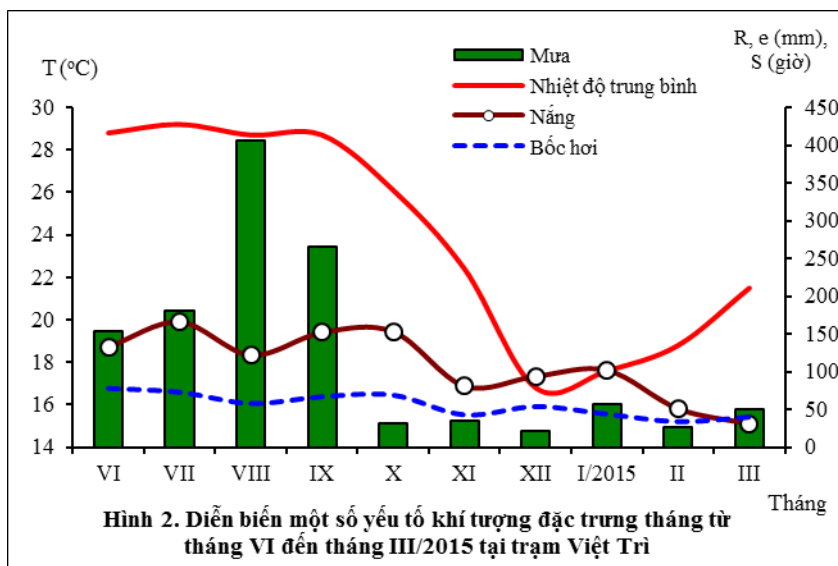
- Giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ $13,0^{\circ}\text{C}$ đến $21,0^{\circ}\text{C}$, nhiệt

độ không khí thấp nhất là $9,2^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 13/III tại Sa Pa.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ $20,4^{\circ}\text{C}$ đến $27,6^{\circ}\text{C}$, nhiệt độ không khí cao nhất là $35,0^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 18/III tại Lào Cai.

2.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng chủ yếu từ 26mm đến 102mm; tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-44mm đến 38mm). Diễn biến của tổng lượng mưa tháng từ tháng VI/2014 đến tháng



Hình 2. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng III/2015 tại trạm Việt Trì

III/2015 ở trạm Việt Trì (đại diện cho vùng Việt Bắc) được thể hiện trên hình 2.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 10mm đến 40mm, cao nhất là 50mm xảy ra vào ngày 24/III tại Chiêm Hóa. Số ngày mưa trong tháng dao động phổ biến từ 7 - 23 ngày. Số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 12 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 14 ngày.

2.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng III/2015 ở các nơi thuộc Việt Bắc có giá trị phổ biến từ 22 giờ đến 190 giờ, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-25 giờ đến 25 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng III/2015 phổ biến từ 78 đến 93%; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-7% đến 5%). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 27%, xảy ra vào ngày 18/III tại Bắc Hà.

- Lượng bốc hơi tháng ở các nơi trong vùng có giá trị phổ biến từ 35mm đến 126mm, và có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-70mm đến 70mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2mm đến 6mm, cao nhất là 17mm, xảy ra vào ngày 18/III tại Sa Pa.

2.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 1 đến 4 ngày;

- Mưa phùn xuất hiện một vài nơi trong vùng với số ngày từ 3 đến 19 ngày.

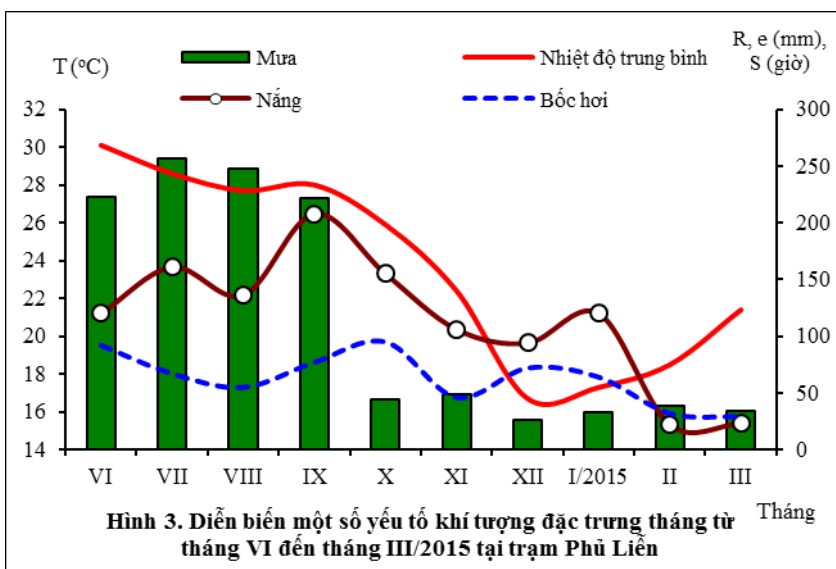
3. Vùng Đông Bắc

3.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng ở mức cao hơn giá trị TBNN (0.8 đến 2,3⁰C); có giá trị dao động từ 18,3⁰C đến 22,2⁰C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 21,5⁰C đến 26,8⁰C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 37,0⁰C xảy ra vào ngày 18/III tại Bảo Lạc.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 16,2⁰C đến 20,9⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 10,5⁰C xảy ra vào ngày 12/III tại Trùng Khánh. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Phù Liên được thể hiện trên hình 3.



Hình 3. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng III/2015 tại trạm Phù Liên

3.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa tháng III/2015 dao động phổ biến từ 20mm đến 50mm, cao nhất là 105mm tại Bắc Giang, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-20mm đến 87mm) (hình 11). Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất dao động phổ biến từ 6 đến 31mm, cao nhất là 57mm xảy ra vào ngày 24/III tại Bắc Giang.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 4 - 21 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 13 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 16 ngày. Có thể thấy diễn biến theo thời gian của tổng lượng mưa tháng tại trạm đại diện cho vùng Đông Bắc (trạm Phù Liên) ở hình 3.

3.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng III/2015 đo được ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (10 giờ đến 20 giờ) (hình 12) và phổ biến dao động trong khoảng từ 15 giờ đến 80 giờ.

- Độ ẩm không khí trung bình tháng III/2015 ở các nơi dao động phổ biến

từ 80 đến 94%, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ (4% đến 7%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 38% xảy ra vào ngày 03/III tại Trùng Khánh.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 28mm đến 66mm. Lượng bốc hơi các khu vực trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-50mm đến 60mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất từ 3 - 6mm (hình 14).

3.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Mưa phùn xuất hiện ở nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 4 đến 16 ngày.

4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ

4.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng có giá trị dao động từ $20,9^{\circ}\text{C}$ đến $21,8^{\circ}\text{C}$, ở mức cao hơn giá trị TBNN (từ $1,2^{\circ}\text{C}$ đến $1,9^{\circ}\text{C}$) (hình 10);

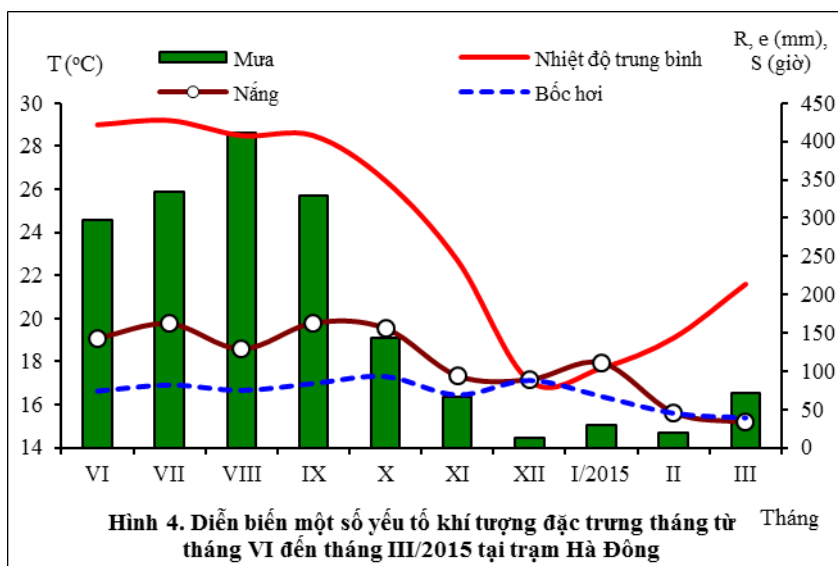
- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $22,3^{\circ}\text{C}$ đến $24,3^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là $31,2^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 31/III tại Láng;

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng ở các nơi từ $18,99^{\circ}\text{C}$ đến $20,2^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là $14,5^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 07/III tại Bắc Ninh. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

4.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -20mm đến 40mm (hình 11) và có giá trị dao động phổ biến từ 22mm đến 93mm.

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 6 đến 26mm; số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 13 đến 23 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 9 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 8 đến 16 ngày. Biến trình tổng lượng mưa



Hình 4. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng III/2015 tại trạm Hà Đông

tháng tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

4.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng III/2015 ở các nơi trong vùng dao động từ 18 giờ đến 44 giờ, có giá trị ở mức thấp hơn giá trị TBNN từ 10 giờ đến 25 giờ (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 88% đến 95% , phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ (3% đến 7%) (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 57% xảy ra vào ngày 03/III tại Láng.

- Lượng bốc hơi vùng Đồng bằng Bắc Bộ phổ biến từ 20mm đến 40mm; lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 4mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa tháng từ 10mm đến 60mm.

4.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Mưa phùn xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 4 đến 19 ngày.

5. Vùng Bắc Trung Bộ

5.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở mức cao hơn giá trị TBNN từ 1,4 đến 3,2⁰C) (hình 10) và có giá trị từ 20,4⁰C đến 24,3⁰C.

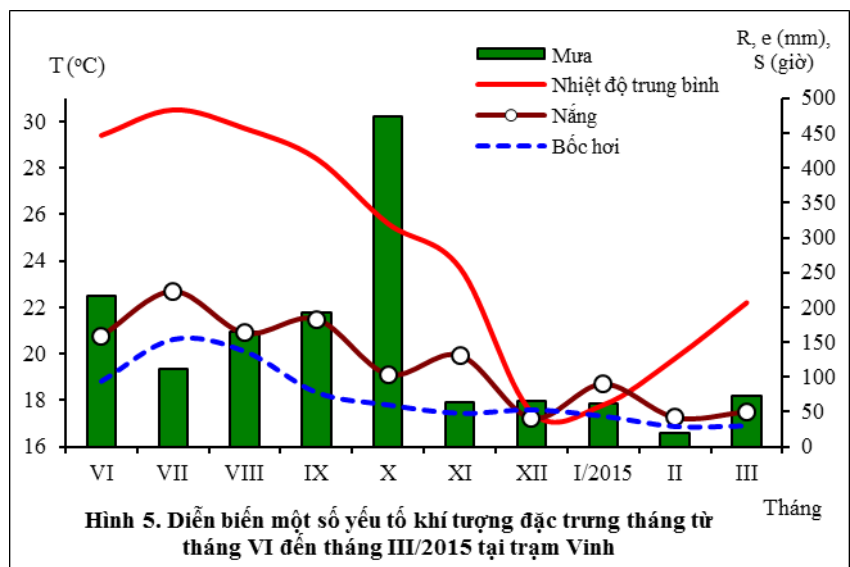
- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 22,7⁰C đến 30,2⁰C, giá trị nhiệt độ cao nhất là

39,4⁰C xảy ra vào ngày 3/III tại Trương Dương, đây là giá trị nhiệt độ không khí cao nhất toàn quốc.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 19⁰C đến 21,2⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 16,2⁰C xảy ra vào ngày 03/III tại Hòn Ngự. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

5.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng III/2015, các giá trị tổng lượng mưa tháng dao động phổ biến từ



Hình 5. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng III/2015 tại trạm Vinh

28mm đến 184mm. Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ (20mm đến 120mm) (hình 11).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất là 105mm, xảy ra vào ngày 25/III tại Hương Khê.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 8 - 24 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 11 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 12 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

5.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng dao động phổ biến từ 30 đến 117 giờ, cao nhất là; tổng số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức thấp hơn giá trị TBNN từ -4 giờ đến 22 giờ (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 78% đến 97%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-10% đến -6%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 31% xảy ra vào ngày 5/III tại Tương Dương.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 27mm đến 72mm; lượng bốc hơi ngày lớn nhất phổ biến từ 1 - 5mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (20mm đến 150mm).

5.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 7 ngày; một số nơi trong đó có từ 1 đến 6 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày có đông từ 1 đến 3 ngày;

- Mưa phùn xuất hiện vài nơi trong vùng với số ngày từ 12 đến 17 ngày.

6. Vùng Trung Trung Bộ

6.1. Diễn biến nhiệt độ

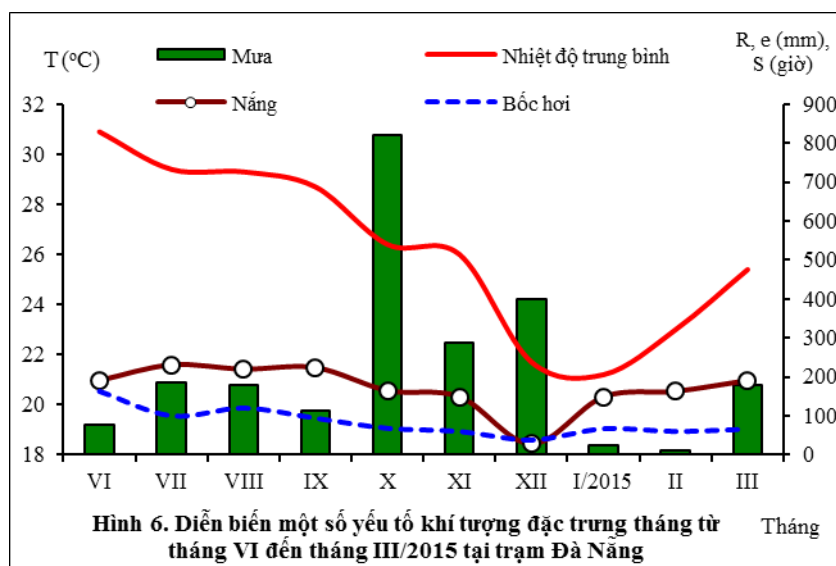
- Nhiệt độ không khí trung bình tháng III/2015 từ 22,3⁰C đến 25,6⁰C phổ biến ở mức cao hơn giá trị TBNN (0,9⁰C đến 3⁰C) (hình 10). Có thể thấy được biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm đại diện cho Trung Trung Bộ (Đà Nẵng) trên hình 6.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 27,2⁰C đến 32,0⁰C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 38,3⁰C xảy ra vào ngày 18/III tại Đông Hà.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 18,9⁰C đến 24,0⁰C, giá trị nhiệt độ thấp nhất là 15,6⁰C xảy ra vào ngày 01/III tại A Lưới.

6.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa trong tháng III/2015 ở hầu hết các nơi từ Khe Sanh trở ra phía Bắc đạt 20mm đến 70mm, xấp xỉ TBNN trong khi đó khu vực phía Nam của vùng lượng mưa đạt 180mm đến 500mm, ở mức cao hơn TBNN từ 100mm đến 350mm.



- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất là 190mm xảy ra vào ngày 25/III tại Trà My, đây là giá trị lượng mưa ngày cao nhất toàn quốc.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 7 đến 25 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 14 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 7 ngày. Có thể xem biến trình tổng lượng mưa tháng tại Đà Nẵng từ tháng VI/2014 đến tháng III/2015 trên hình 6.

6.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng phổ biến từ 73 giờ đến 254 giờ, ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-15 giờ đến 86 giờ) (Hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 82% đến 91%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 2% đến 5%; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 36% xảy ra vào ngày 20/III tại Trà My.

- Tổng lượng bốc hơi tháng dao động phổ biến từ 38mm đến 102mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 5mm, cao nhất là 10mm, xảy ra vào ngày 18/III tại Khe Sanh. Tổng lượng bốc hơi tháng ở các khu vực phía Bắc thì cao hơn lượng mưa một ít còn khu vực phía Nam thấp hơn lượng mưa từ 100mm - 300mm.

6.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện một vài nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 7 ngày, có cường độ nhẹ;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 1 đến 6 ngày;

7. Vùng Nam Trung Bộ

7.1. Diễn biến nhiệt độ

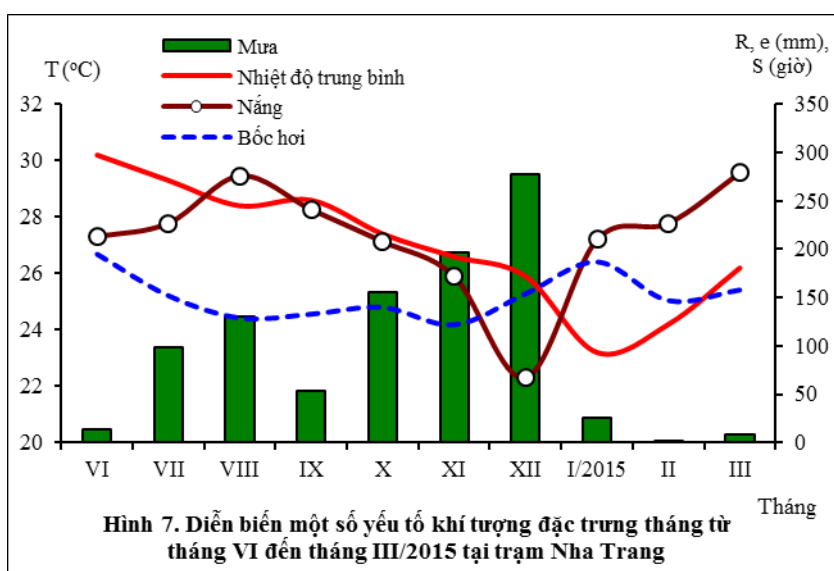
- Nhiệt độ không khí trung bình tháng III/2015 từ $25,1^{\circ}\text{C}$ đến $28,2^{\circ}\text{C}$, ở mức cao hơn giá trị TBNN từ $0,4$ đến $0,9^{\circ}\text{C}$ (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $29,5^{\circ}\text{C}$ đến $32,0^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là $34,0^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 20/III tại Cam Ranh.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ $21,7^{\circ}\text{C}$ đến $26,6^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là $19,0^{\circ}\text{C}$, xảy ra vào ngày 23/III tại Hoài Nhơn. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Nha Trang từ tháng VI/2014 đến tháng III/2015 được thể hiện trên hình 7.

7.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng III/2015, lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng phổ biến từ 3mm đến 68mm. Tổng lượng mưa tháng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -26mm đến 44mm. Diễn biến



Hình 7. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng III/2015 tại trạm Nha Trang

tổng lượng mưa tháng từ tháng VI/2014 đến tháng III/2015 tại trạm Quy Nhơn được thể hiện trên hình 7.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất là 48mm, xảy ra vào ngày 25/III tại Quy Nhơn.

- Số ngày mưa trong tháng ở các địa phương phổ biến từ 2 đến 7 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 5 ngày; số ngày không mưa liên tục trong tháng phổ biến từ 3 đến 31 ngày.

7.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng III/2015 ở các nơi trong vùng phổ biến từ 269 giờ đến 316 giờ; số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN một ít;

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 72% đến 84%, phổ biến ở mức xấp xỉ giá trị TBNN (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất là 36% xảy ra vào

ngày 20/III tại Cam Ranh.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 85mm đến 189mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 5 đến 9mm. Lượng bốc hơi các nơi trong vùng ở mức cao hơn giá trị lượng mưa (30mm đến 150mm).

7.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

8. Vùng Tây Nguyên

8.1. Diễn biến nhiệt độ

- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng III/2015 từ $18,0^{\circ}\text{C}$ đến $27,0^{\circ}\text{C}$; phổ biến ở mức cao hơn giá trị TBNN từ một ít (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ $25,7^{\circ}\text{C}$ đến $34,4^{\circ}\text{C}$; giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là $37,5^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 19/III tại Ayunpa.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ $12,5^{\circ}\text{C}$ đến $21,5^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là $8,0^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 25/III tại Đà Lạt. Có thể xem diễn biến nhiệt độ trung bình tháng từ tháng VI/2014 đến tháng III/2015 ở trạm Plây Cu đại diện cho vùng Tây Nguyên trên hình 8.

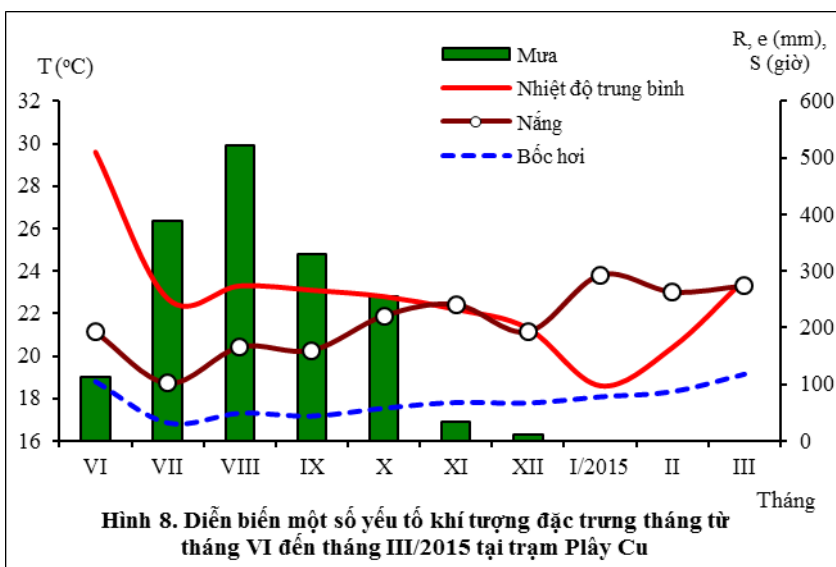
8.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng III/2015 dao động từ 4mm đến 80mm, cao nhất là 106mm tại Đắc Nông. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -50mm đến 50mm.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất 61mm vào ngày 29/III tại Kon Tum. Số ngày mưa các nơi trong vùng phổ biến từ 2 đến 10 ngày, trong đó số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 5 ngày, số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 8 đến 31 ngày. Diễn biến tổng lượng mưa tháng từ tháng VI/2014 đến tháng III/2015 tại trạm Plây Cu được thể hiện trên hình 8.

8.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng III/2015 phổ biến từ 238 giờ đến 305 giờ. Phổ biến



Hình 8. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng III/2015 tại trạm Plây Cu

mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-16 giờ đến 31 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -4% đến 4%) (hình 13), có giá trị phổ biến từ 63% đến 81% (Đà Lạt); độ ẩm không khí thấp nhất là 18% xảy ra vào ngày 16/III tại Liên Khương.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 83mm đến 191mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 9mm. Lượng bốc hơi ở các nơi trong vùng cao hơn giá trị lượng mưa (60mm đến 170mm).

8.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

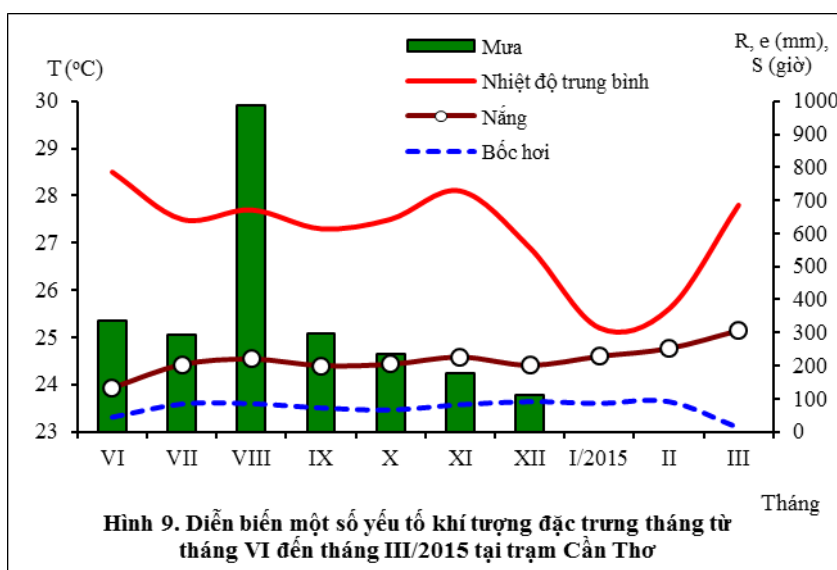
- Gió tây khô nóng xuất hiện một số nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 12 ngày, với cường độ nhẹ;
- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 8 ngày.

9. Vùng Nam Bộ

9.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng III/2015 từ 26,9⁰C đến 28,6⁰C, phổ biến ở mức xấp xỉ giá trị TBNN (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 28,8⁰C đến 35,4⁰C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 38,2⁰C xảy ra vào ngày 26/III tại Đồng Phú.



Hình 9. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng III/2015 tại trạm Cần Thơ

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 21,9⁰C đến 26,0⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 19,8⁰C xảy ra vào ngày 01/III tại Phước Long. Hình 9 thể hiện diễn biến của nhiệt độ trung bình tháng từ tháng VI/2014 đến tháng III/2015 tại trạm Cần Thơ.

9.2. Diễn biến về mưa

- Hầu hết các khu vực trong vùng đều không mưa hoặc lượng mưa chỉ từ 1-3mm

9.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng III/2015 phổ biến từ 267 giờ đến 309 giờ; ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-30 giờ đến 80 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 56% đến 82%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-16% đến 6%) (hình 13). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 27% xảy ra vào ngày 26/III tại Phước Long.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 63mm đến 176mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất là 10mm xảy ra vào các ngày 25/III tại Tân Sơn Nhất; lượng bốc hơi tháng ở mức cao hơn giá trị lượng mưa tháng (11mm đến 139mm).

9.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện ở một số nơi trong vùng với số ngày từ 2 đến 6 ngày với cường độ nhẹ;

II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG III/2015

Điều kiện KTNN tháng III/2015 ở nhiều vùng trong cả nước không thực sự thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp do nền nhiệt cao hơn TBNN, tổng lượng mưa tháng quá ít, nhiều vùng cả tháng không có mưa trong khi đó lượng bốc hơi cao, tình trạng thiếu nước cho sản xuất nông nghiệp tiếp tục kéo dài. Ở các tỉnh phía Bắc, một số đợt không khí lạnh tăng cường vào đầu tháng III kèm theo mưa nhỏ, mưa phùn, trời nồm ẩm làm ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất vụ đông xuân 2014-2015. Ở các tỉnh phía Nam mưa ít, các đợt xâm nhập mặn, triều cường gia tăng gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long.

Trong tháng các địa phương phía Bắc đã cơ bản hoàn thành gieo cấy lúa đông xuân muộn, gieo trồng các loại rau màu còn thời vụ, tập trung chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh cho lúa và rau màu vụ đông xuân. Các địa phương phía Nam tập trung thu hoạch lúa đông xuân; một số tỉnh bắt đầu xuống giống lúa hè thu và gieo trồng rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày vụ hè thu.

Về trồng trọt, tính đến cuối tháng các địa phương miền Bắc đã cơ bản hoàn thành gieo cấy lúa đông xuân, đạt 1.113,4 ngàn ha, nhanh hơn cùng kỳ năm trước 0,8%; các địa phương ở miền Nam đã thu hoạch đạt gần 1 triệu ha lúa đông xuân, theo đánh giá cáo bước đầu của các địa phương, năng suất bình quân lúa đông xuân trên diện tích đã thu hoạch toàn miền ước đạt trên 70 tạ/ha.

1. Đối với cây lúa

Các tỉnh miền Bắc:

Trong tháng III/2015 các địa phương Miền Bắc đã tập trung gieo cấy, chăm sóc phòng trừ sâu bệnh cho lúa đông xuân. Tính đến cuối tháng III, các địa phương Miền Bắc gieo cấy lúa đông xuân đạt trên 1.113,4 ngàn ha, tăng 0,8% so với cùng kỳ năm trước. Diện tích tăng chủ yếu tập trung ở các tỉnh Miền Trung, vùng đồng bằng sông Hồng diện tích giảm do cơ cấu lại mùa vụ.

Lúa đông xuân trên các vùng Đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ phần lớn diện tích đang trong thời kì đẻ nhánh, trà xuân sớm đã chuyển sang thời kì đứng cái (bảng). Nhìn chung, do được cảnh báo về tình trạng hạn hán có thể kéo dài nên công tác thủy lợi ở phần lớn các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ đã được chuẩn bị tốt, lúa đông xuân trên các địa bàn có đủ nước tưới dưỡng, trạng thái sinh trưởng từ trung bình đến khá, một số diện tích đứng trước nguy cơ nhiễm sâu bệnh, đặc biệt là virus lùn sọc đen hiện một số nơi đã xuất hiện thành dịch. Các tỉnh thuộc địa bàn miền núi tiếp tục hoàn thành tiến độ gieo cấy lúa đông xuân trong khung thời vụ cho phép.

Thời tiết diễn biến thất thường, nền nhiệt cao, ẩm, đan xen rét trong thời gian qua khiến cây lúa ở một số địa phương phát triển chệch quy luật thông thường trà lúa xuân sớm phát triển thấp cây, nhiều diện tích xuân xuân sớm bị vàng lá, thối bẹ, cây thiếu dinh dưỡng. Một số trà lúa xuân muộn cấy sớm gặp thời tiết bất thường có khả năng trổ sớm đầu tháng 4, sẽ cho năng suất thấp. Thời tiết cực đoan cũng khiến sâu bệnh gây hại trên lúa sớm hơn, mức độ nguy hiểm hơn.

Đặc biệt, vào đầu tháng các tỉnh phía Bắc đón đợt không khí lạnh đẩy nền nhiệt giảm mạnh. Sự chênh lệch lớn về nhiệt độ so với những ngày trước đó là nguyên nhân gây giông lốc, trời nồm ẩm kéo dài gây bất lợi cho sản xuất nông nghiệp sang trung tuần tháng III, mưa phùn giảm, trời hửng nắng về chiều, chấm dứt hiện tượng nồm ẩm kéo dài.

Miền Nam: Tính đến ngày giữa tháng, các địa phương ở miền Nam đã thu hoạch đạt gần 1 triệu ha lúa đông xuân, chủ yếu tập trung tại các tỉnh vùng ĐBSCL, chiếm hơn 82% diện tích xuống giống thuộc vùng. Nguyên nhân chủ yếu do lũ ở vùng ĐBSCL năm nay thấp, rút nhanh đã tạo điều kiện triển khai xuống giống sớm hơn nhiều so với năm trước.

Theo báo cáo bước đầu của các địa phương trong vùng, lúa đông xuân trên diện tích đã thu hoạch đạt năng suất bình quân 70,6 tạ/ha, thấp hơn một ít so với vụ trước. Điển hình là các tỉnh An Giang, Hậu Giang, Cần Thơ, Kiên Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long, các địa phương này ước năng suất bình quân trên diện tích đã thu hoạch đạt trên 72 tạ/ha.

Đồng thời với việc khẩn trương thu hoạch lúa đông xuân các địa phương thuộc vùng ĐBSCL cũng đã đẩy nhanh tiến độ xuống giống lúa hè thu. Tính đến ngày giữa tháng diện tích xuống giống đạt trên 300 ngàn ha, nhanh hơn 35% so với cùng kỳ năm trước. Các địa phương có diện tích xuống giống lúa hè thu đứng đầu trong vùng gồm: Đồng Tháp, Sóc Trăng, Kiên Giang...

Thời gian qua, do nắng nóng kéo dài, tình trạng ít mưa hoặc không mưa vẫn tiếp diễn, nguồn nước nội đồng cạn kiệt, cộng thêm gió chướng thổi mạnh nước mặn xâm nhập sâu vào nội đồng làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất nông nghiệp của vùng

Ở Tây Nguyên và các tỉnh Miền Trung thời tiết nắng nóng khắc nghiệt đang gây nhiều khó khăn cho cuộc sống người dân và thiệt hại nặng nề về các loại cây nông nghiệp hoa màu các loại

Tại Miền Trung ruộng đồng bị hoang hóa

Ở các tỉnh Tây Nguyên: tình trạng hạn hán, thiếu nước tưới tiêu hoa màu nên các tỉnh Tây Nguyên gồm Lâm Đồng, Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum tổng cộng có trên 51.000ha cây trồng gồm cà phê, chè, lúa bị ảnh hưởng. Trong số đó, 3 tỉnh có hơn 3.000ha cây trồng có nguy cơ mất trắng. Trong đó, Đắk Lắk có 2.400ha lúa và cà phê, 700ha lúa ở Gia Lai và 50ha lúa ở Lâm Đồng

Bảng 1. Số liệu khí tượng nông nghiệp tuần 3 tháng III/2015

S ố TT	Các vùng sinh thái nông nghiệp	Trạm	Các giai đoạn phát triển của cây trồng	Trạng thái sinh trưởng của cây trồng	Độ ẩm đất	Tác động của thiên tai, sâu bệnh
1	Tây Bắc, Việt Bắc	Mộc Châu	Chè lớn búp hái	Kém	TB	
2		Điện Biên	Lúa chiêm mọc đóng	TB	3cm	
3		Văn Chấn	Lúa chiêm mọc đóng	TB	3cm	
4		Tuyên Quang	Lúa chiêm đẻ nhánh	TB	ẩm	
5	Đông Bắc	Uông Bí	Lúa chiêm đẻ nhánh	Khá	4cm	
		Lạng Sơn	Ngô mọc mầm	Tb	ẩm	
			Lúa xuân mọc mầm	TB	ẩm	
		Bắc Giang				
	Trung du Bắc Bộ	Phú Hộ	chè lớn lá thật thứ nhất	TB	ẩm	
		Ba Vì	Chè lớn nảy chồi	TB	TB	

	Đồng bằng Sông Hồng	Hà Đông	Lúa xuân đẻ nhánh	TB	4cm	
		Hoài Đức	Lạc lá thật thứ 3	Khá	Quá ảm	
			Ngô lá thứ 3	Khá	Quá ảm	
			Cam ra nụ	TB	Quá ảm	
		Hưng Yên	Lúa xuân đẻ nhánh	Khá	3cm	
		Nam Định	Lúa chiêm mọc dón	Khá	11cm	
		Ninh Bình	Lúa xuân đẻ nhánh	TB	3cm	
		Thái Bình	Lúa xuân đẻ nhánh	Khá	4cm	
		Bắc Trung Bộ	Yên Định	Lạc nở hoa	TB	ảm
				Đậu t□ong ra quả	TB	ảm
			Thanh Hoá	Lúa chiêm đẻ nhánh	TB	4cm
			Quỳnh Lưu	Lúa chiêm mọc dón	TB	4cm
			Đô Lương	Lúa xuân mọc dón	Khá	3cm
	Trung Trung Bộ	Huế	Lúa xuân mọc dón	TB	3cm	
	Nam Trung Bộ	Tuy Hoà				
		An Nhơn				
	Tây Nguyên	Eakmat	Cà phê đâm chồi	Tốt	TB	
	Nam Bộ	Xuân Lộc	Cà phê hình thành quả	TB	ảm	
		Trà Nóc	Lúa xuân hè đẻ nhánh	Khá	10cm	
		Mỹ Tho	Lúa xuân mọc dón	TB	3cm	
		Bạc Liêu				

2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp

Ngoài các hoạt động gieo trồng, thu hoạch lúa, tính đến ngày cuối tháng, các địa phương trên toàn quốc tiếp tục gieo trồng các cây màu vụ đông xuân đạt gần 600 ngàn ha, tăng 4,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó diện tích gieo trồng ngô đạt gần 364,5 ngàn ha, tăng 3,3%; khoai lang đạt 82,1 ngàn ha, tăng 4,7%; sắn đạt 138 ngàn ha, tăng 7,7% so với cùng kỳ năm trước.

Diện tích gieo trồng cây công nghiệp ngắn ngày vụ đông xuân đạt 327,3 ngàn ha, tăng 1,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó diện tích đậu tương đạt 61,5 ngàn ha, bằng 98,3%; diện tích lạc đạt gần 139,4 ngàn ha, bằng 96%; diện tích mía đạt gần 90 ngàn ha, tăng 2,8%; diện tích thuốc lá đạt 18,3 ngàn ha, tăng 8%. Diện tích rau, đậu các loại đạt gần 480 ngàn ha, tăng 1,6% so với cùng kỳ năm trước.

Chè lớn búp hái ở Mộc Châu, sinh trưởng kém trên đất ẩm trung bình. Chè lớn lá thật thứ nhất ở Phú Hộ, sinh trưởng trung bình, đất ẩm. Chè Ba Vì đang nảy chồi, sinh trưởng trung bình, đất ẩm trung bình.

Cam ở Hoài Đức đang ra nụ, sinh trưởng trung bình.

Cà phê Eakmat đang đâm chồi, sinh trưởng tốt. Cà phê Xuân Lộc đang hình thành quả, sinh trưởng trung bình trên đất ẩm (bảng 1)

3. Tình hình sâu bệnh

Trong tháng tình hình sâu bệnh trên lúa đáng chú ý có bệnh đạo ôn, rầy nâu và rầy lưng trắng, chuột, ốc bươu vàng phát sinh tăng, nhưng không nhiều so với tháng trước và cùng kỳ năm trước. Các loại sâu bệnh còn lại như: sâu cuốn lá, rầy nâu và rầy lưng trắng, bệnh bạc lá, sâu năn... nhìn chung đều giảm so với cùng kỳ năm trước, cụ thể như sau:

- Bệnh đạo ôn:

+ *Bệnh đạo ôn trên lá*: Tổng diện tích nhiễm 24,3 ngàn ha, nhiễm nặng 1.357 ha. Diện tích nhiễm rải rác trên các vùng, miền

+ *Bệnh đạo ôn cổ bông*: Diện tích nhiễm 9.046 ha, tập trung tại các tỉnh ĐBSCL.

- **Rầy các loại**: Diện tích nhiễm 13.920 ha, trong đó nặng chỉ 243 ha; tập trung chủ yếu ở các tỉnh phía Nam.

- **Chuột**: Tổng diện tích bị hại hơn 7 ngàn ha, trong đó, ĐBSCL nhiễm 1.356 ha; Duyên hải miền Trung nhiễm 1.891 ha; Bắc Trung bộ nhiễm 2.021 ha.

- **Bệnh bạc lá lúa**: Diện tích nhiễm 8.085 ha, tập trung chủ yếu khu vực ĐBSCL.

- **Sâu cuốn lá nhỏ**: Tập trung chủ yếu ĐBSCL, diện tích nhiễm 2.628 ha

Ngoài ra, còn có các bệnh **lem lép hạt** diện tích nhiễm 5.548 ha, **khô vằn** 6.580 ha, **vàng lá** 3.495ha; **nhện gié** hại lúa 2.460 ha; **sâu đục thân** diện tích nhiễm sâu non 1.378 ha; **ốc bươu vàng** diện tích hại 7.687 ha.

III. DỰ BÁO THỜI TIẾT TRONG THÁNG IV/2015 VÀ DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG IV, V, VI/2015

1. Về kết quả dự báo thời tiết trong tháng IV/2015

1.1. Nhiệt độ

+ Bắc Bộ: Phổ biến ở mức xấp xỉ trên so với TBNN, với chuẩn sai nhiệt độ trung bình tháng cao hơn từ 0.5 đến 1.0°C so với TBNN..

+ Các tỉnh Trung Bộ: Phổ biến ở mức xấp xỉ trên so với TBNN, với chuẩn sai nhiệt độ trung bình tháng cao hơn từ 0.5 đến 1.0°C so với TBNN.

+ Các tỉnh Tây Nguyên và Nam Bộ: phổ biến ở mức xấp xỉ trên so với TBNN, với chuẩn sai nhiệt độ trung bình tháng cao hơn từ 0.5 đến 1.0°C so với TBNN.

1.2. Lượng mưa

+ Bắc Bộ: Lượng mưa phổ biến ở mức xấp xỉ TBNN, với chuẩn sai lượng mưa tháng dao động trong khoảng từ -20% đến 20% so với TBNN.

+ Các tỉnh ven biển Trung Bộ: Lượng mưa phổ biến ở mức xấp xỉ TBNN, với chuẩn sai lượng mưa tháng dao động trong khoảng từ -20% đến 20% so với TBNN.

+ Các tỉnh Tây Nguyên và Nam Bộ: Lượng mưa phổ biến ở mức thấp hơn so với TBNN từ 20% đến 40%.

1.3. Thời tiết đặc biệt

Trong tháng có khả năng xuất hiện khoảng 2-3 đợt không khí lạnh ảnh hưởng đến các tỉnh miền Bắc. Những đợt không khí lạnh cuối mùa này có cường độ yếu, trời chỉ chuyển rét vào đêm và sáng khi mỗi đợt xuất hiện. Có khả năng xuất hiện hai đến ba đợt nắng nóng, tập trung chủ yếu tại Tây Bắc, Bắc và Trung Trung Bộ, và Đông Nam Bộ.

Bão, ATNĐ bắt đầu có khả năng xuất hiện, hoạt động trên Biển Đông, Việt Nam. Tổng hợp các sản phẩm dự báo thống kê và số trị cho thấy, tháng 4/2015 có khả năng có từ 1 đến 2 cơn bão, ATNĐ hoạt động trên khu vực biển Đông Việt Nam.

Đây là tháng giao mùa nên lượng mưa Tây Nguyên và Nam Bộ bắt đầu có dấu hiệu cải thiện, tuy nhiên do lượng nước ngầm thiếu hụt kéo dài trong suốt thời gian qua nên tình trạng khô hạn tại đây vẫn chưa giảm bớt căng thẳng.

2. Về kết quả dự báo khí hậu 3 tháng IV, V, VI/2015

2.1. Nhiệt độ

Trong mùa 3 tháng IV-VI/2015, nhiệt độ có khả năng cận đến vượt chuẩn trên đa phần diện tích cả nước với xác suất từ 55 đến 77%. Chuẩn sai nhiệt độ chủ yếu dao động từ 0 đến 1oC trên đa phần diện tích cả nước.

2.2. Lượng mưa

Lượng mưa có khả năng cận đến vượt chuẩn trên đa phần diện tích cả nước với xác suất từ 55-77%. Chuẩn sai của lượng mưa chủ yếu dao động từ -200 đến 200mm ở hầu hết diện tích cả nước.

2.3. Xoáy thuận nhiệt đới (XTNĐ) và không khí lạnh (KKL)

Kết quả thống kê 3 tháng IV-VI trung bình thời kỳ 1971-2000 có khoảng 2 XTNĐ hoạt động trên khu vực Biển Đông và có khoảng 1 cơn ảnh hưởng đến Việt Nam. Kết quả thống kê 3 tháng IV-VI trung bình thời kỳ 1971-2000 có khoảng từ 6 đến 7 đợt không khí lạnh ảnh hưởng đến Việt Nam.

IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Từ thực trạng sản xuất nông nghiệp, trạng thái sinh trưởng phát triển của cây trồng trong tháng III và trên cơ sở dự báo xu thế thời tiết tháng IV/2015 và dự báo khí hậu 3 tháng IV, V và VI/2015 có thể đưa ra một số kiến nghị sau:

1. Miền Bắc

- Tăng cường các biện pháp phòng trừ bệnh đạo ôn, rầy nâu, sâu cuốn lá trên lúa xuân và các loại sâu bệnh trên rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày;
- Tăng cường chăm sóc đảm bảo cho lúa đẻ nhánh, mọc dón, làm đồng thuận lợi và các cây trồng khác phát triển thuận lợi;
- Tích cực thực hiện các biện pháp chống hạn bảo đảm đủ nước tưới dưỡng cho lúa đông xuân trở bông vào cuối tháng IV đầu tháng V.

2. Miền Trung:

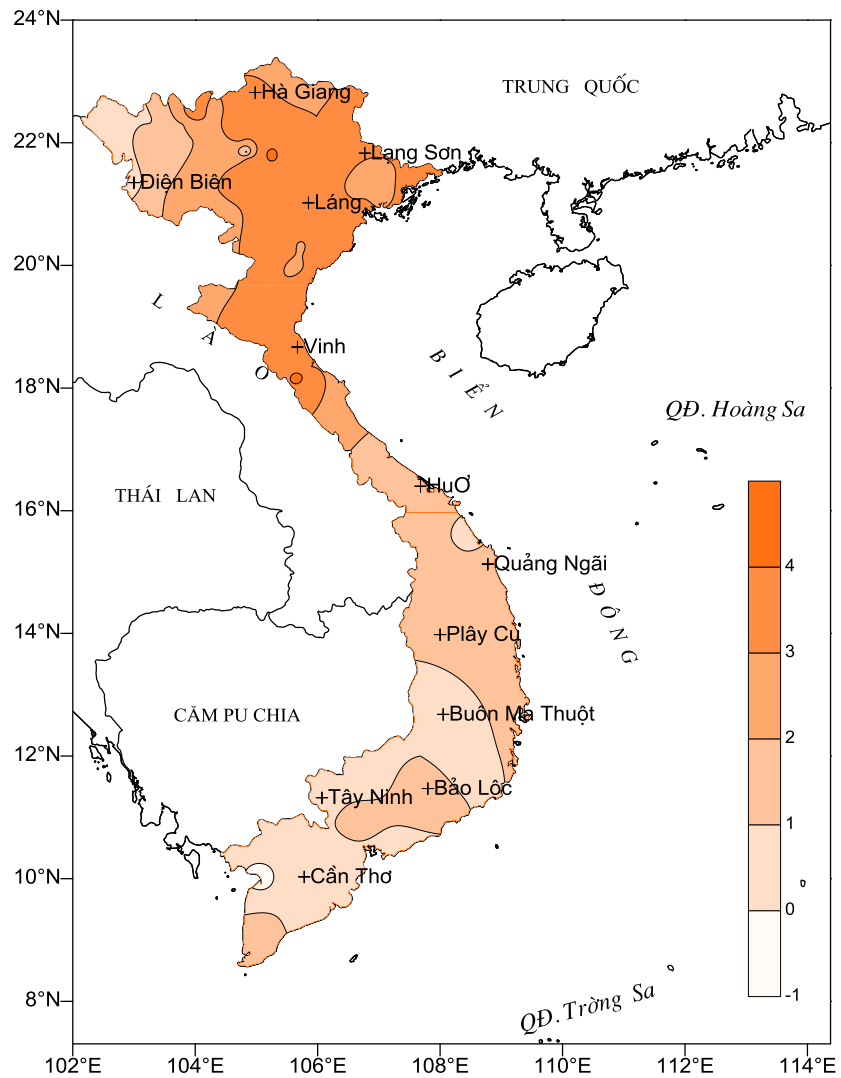
- Tập trung chăm sóc lúa mới trồng và các loại cây rau màu;
- Tăng cường các biện pháp phòng, chống hạn.

3. Miền Nam

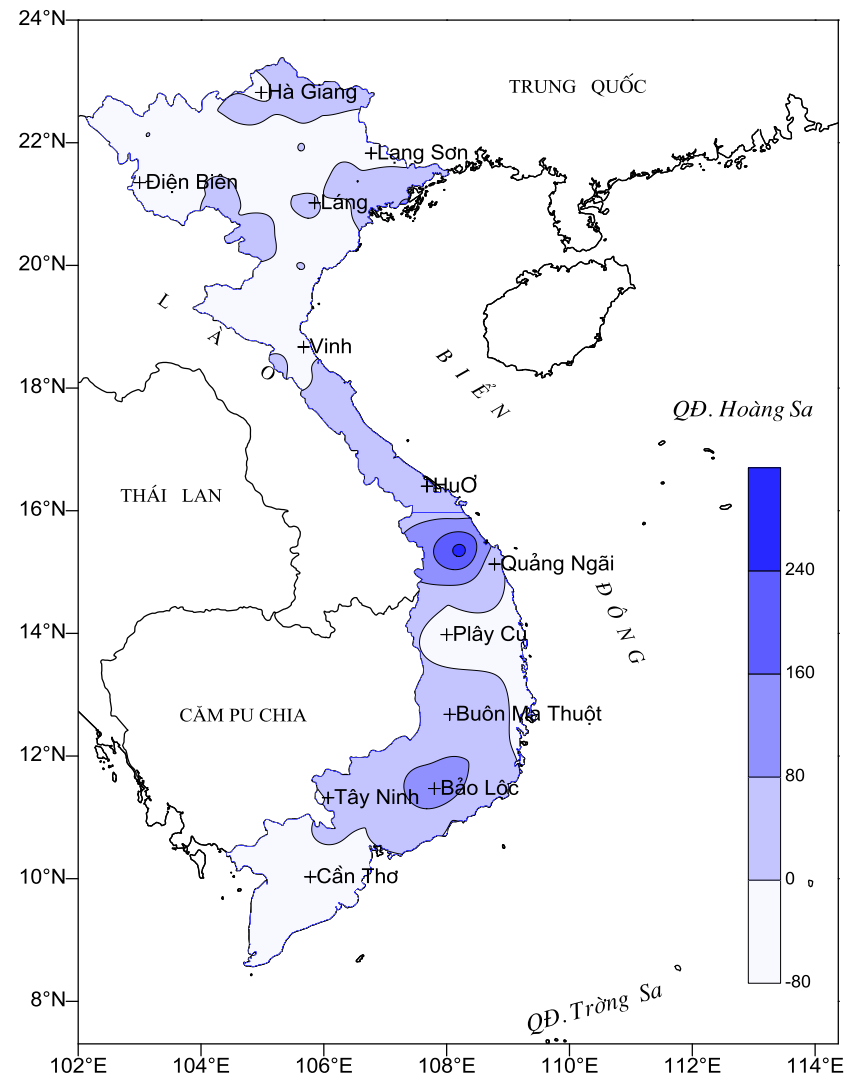
- Tăng cường các biện pháp chống hạn, chống xâm nhập mặn;
- Chăm sóc lúa mùa và lúa xuân đợt muộn đang trong giai đoạn chắc xanh, đảm bảo cho thu hoạch đạt năng suất cao;
- Tích cực phòng trừ sâu bệnh, đặc biệt cần có các biện pháp hữu hiệu để ngăn chặn dịch rầy nâu, bệnh vàng lùn - lùn xoắn lá, bệnh đạo ôn trên lúa và các loại sâu bệnh trên các cây rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây cà phê.

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

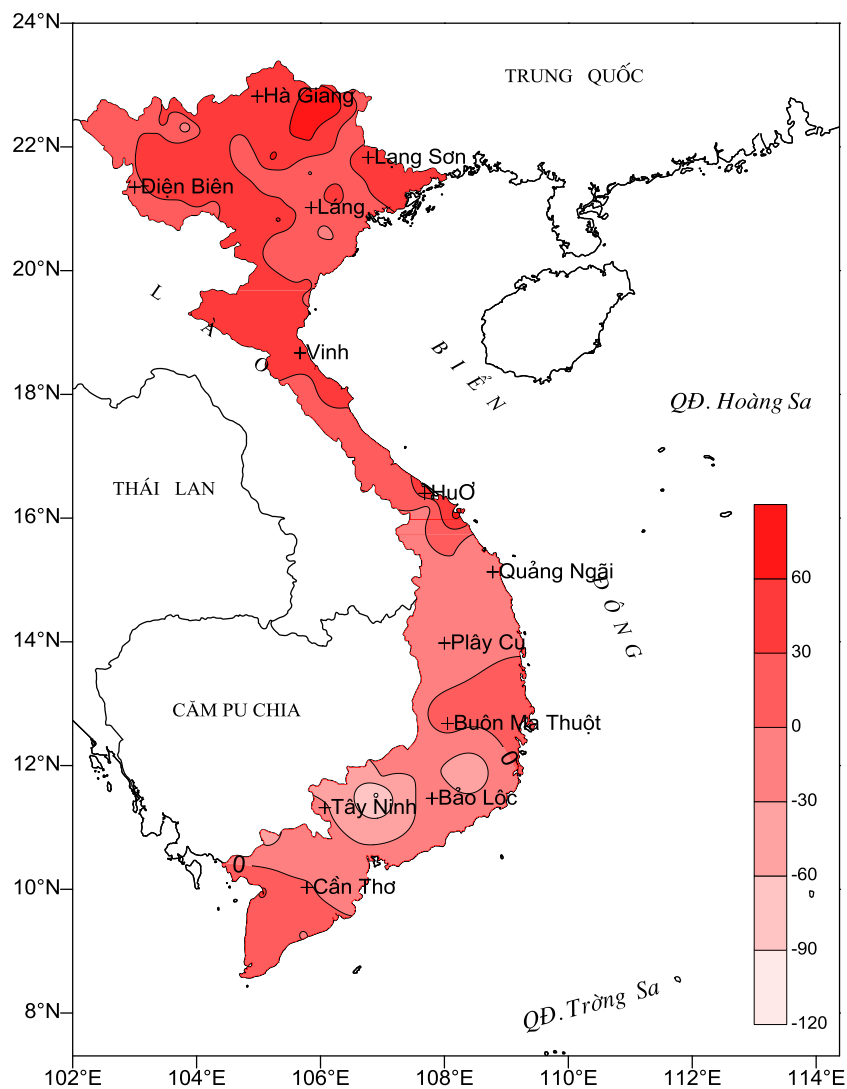
1. Viện Khoa học Khí tượng thuỷ văn và Môi trường, Thông báo và dự báo Khí hậu tháng IV, V, VI năm 2015;
2. Trung tâm Dự báo Khí tượng Thuỷ văn Quốc gia, dự báo xu thế thời tiết tháng IV năm 2015 các khu vực trên phạm vi cả nước;
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch tháng III năm 2015 ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.



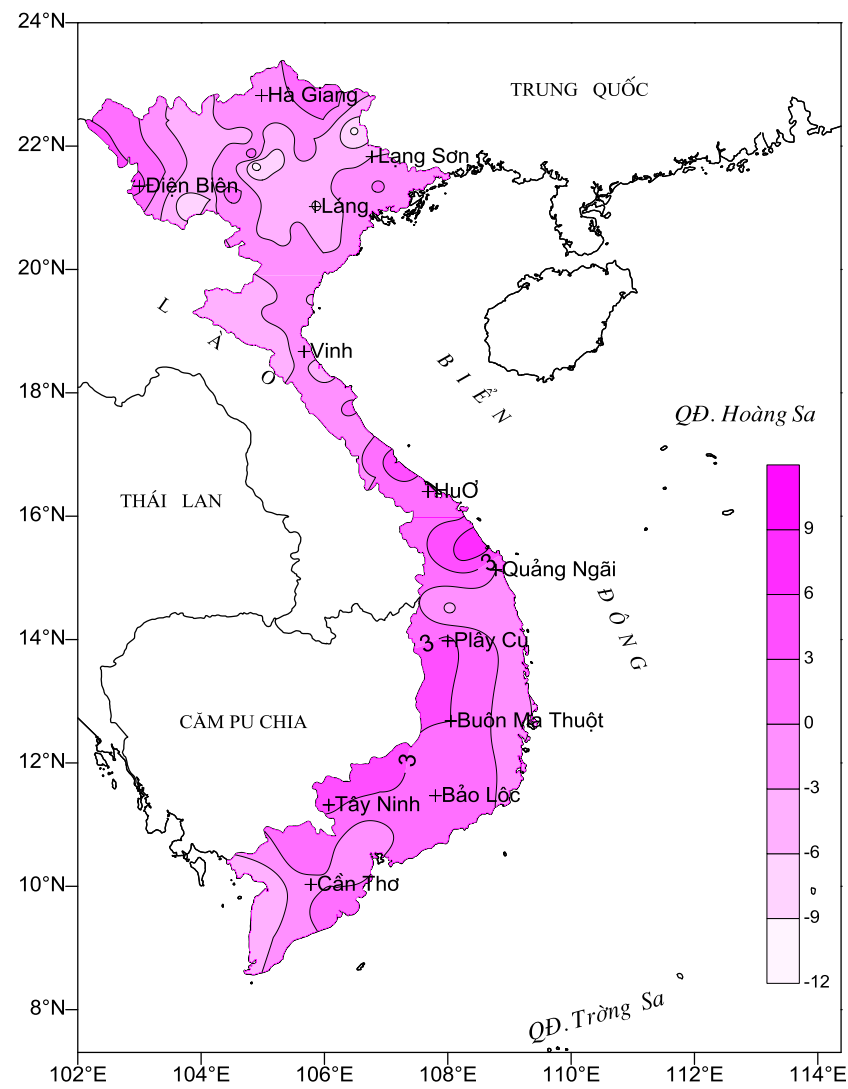
Hình 10. Độ lệch của nhiệt độ tháng III/2015 so với TBNN (°C)



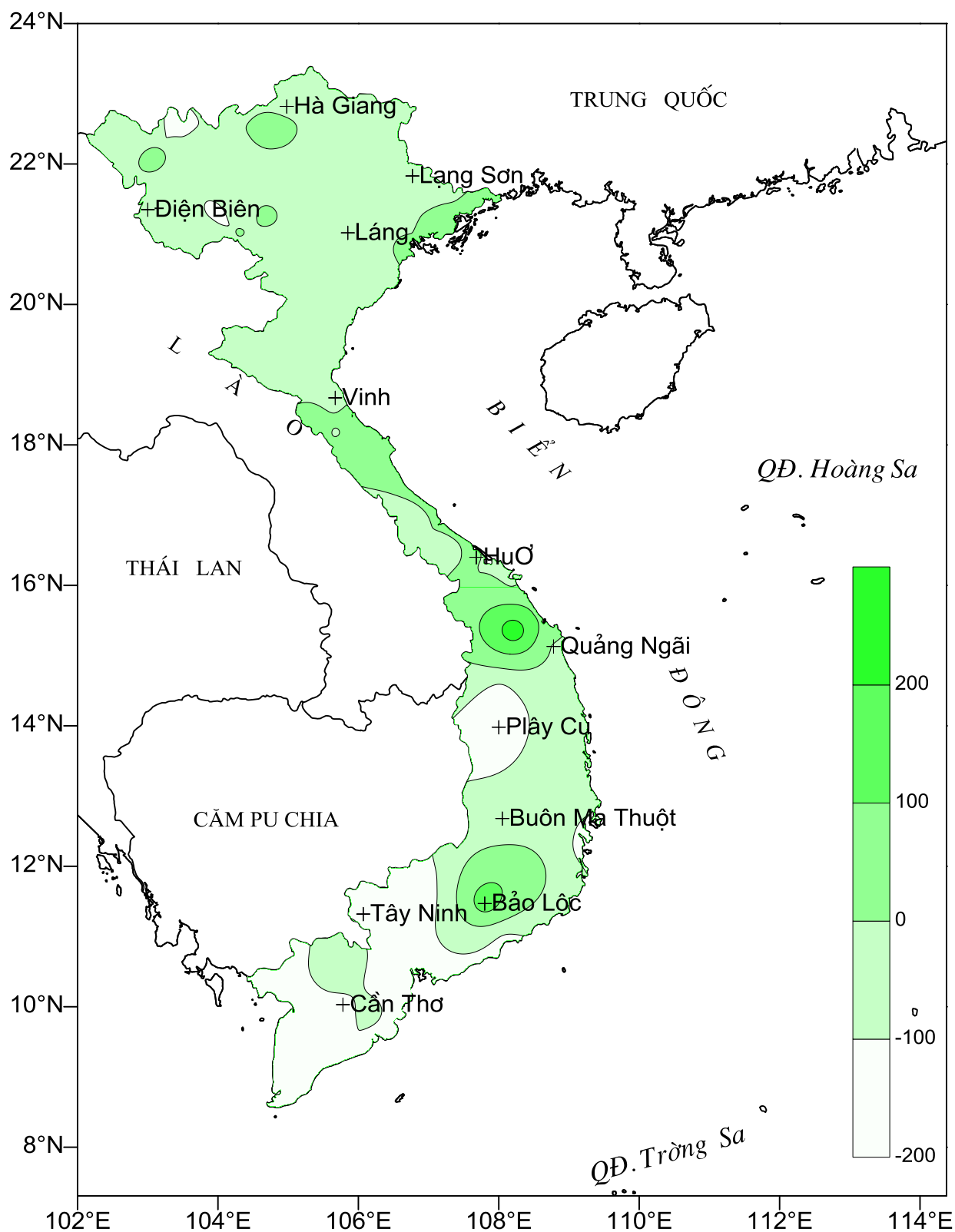
Hình 11. Độ lệch của lượng mưa tháng III/2015 so với TBNN (mm)



Hình 12. Độ lệch của số giờ nắng tháng III/2015 so với TBNN (giờ)



Hình 13. Độ lệch của độ ẩm không khí tháng III/2015 so với TBNN (%)



Hình 14. Độ lệch của lượng mưa so với lượng bốc hơi tháng III/2015 (mm)